TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HSST
Ngày 14/3/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BẮC GIANG

***- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*:** Ông Bùi Tư Duy

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký, Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2022/HSST ngày 07 tháng 3 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HS, ngày 08/3/2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc H - sinh năm 1983; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn Đ, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Họ và tên cha: Nguyễn Văn C - sinh năm 1959; Họ và tên mẹ: Dương Thị Y - sinh năm 1960; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1992 trú tại thôn Đ, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Bị cáo có 02 con (con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2019); Gia đình bị cáo có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 18/02/2022 đến ngày 20/02/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa).

2. Hoàng Văn Đ - sinh năm 1983; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn Đ, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Họ và tên cha: Hoàng Thế C - sinh năm 1959; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị T - sinh năm 1959; Vợ: Giáp Thị L, sinh năm 1987 đều trú tại thôn Đ, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Bị cáo có 02 con (con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2012); Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 18/02/2022 đến ngày 20/02/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa).

3 . Nguyễn Văn H1 - sinh năm 1971; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn B, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 4/12; Họ và tên cha: Nguyễn Văn T (đã chết); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị L - sinh năm 1946; Vợ: Nguyễn Thị T - sinh năm 1973 đều trú tại thôn B, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Bị cáo có 02 con (con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1998); Gia đình bị cáo có 4 chị em, bị cáo là con thứ 2; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 18/02/2022 đến ngày 20/02/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa).

4. Dương Văn Đ1 - sinh năm 1972; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn B, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Họ và tên cha: Dương Văn Đ - sinh năm 1933; Họ và tên mẹ: Hoàng Thị H - sinh năm 1935; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1976 trú tại thôn B, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Bị cáo có 01 con, sinh năm 2008; Gia đình bị cáo có 6 chị em, bị cáo là con thứ 6; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 18/02/2022 đến ngày 20/02/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa).

5. Dương Văn Ng - sinh năm 1991; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn B, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Họ và tên cha: Dương Văn H - sinh năm 1966; Họ và tên mẹ: Dương Thị H - sinh năm 1967; Vợ: Nguyễn Thị Phương H - sinh năm 1993 đều trú tại thôn B, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Bị cáo có 02 con (con lớn sinh năm 2015 con nhỏ sinh năm 2018); Gia đình bị cáo có 2 chị em, bị cáo là con thứ 2; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 18/02/2022 đến ngày 20/02/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa).

6. Nguyễn Văn X - sinh năm 1981; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Họ và tên cha: Nguyễn Văn B - sinh năm 1955; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị H - sinh năm 1955; Vợ: Vi Thị O - sinh năm 1981 đều trú tại thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Bị cáo có 03 con (con lớn sinh năm 2007 con nhỏ sinh năm 2019); Gia đình bị cáo có 4 chị em, bị cáo là con thứ 3; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 18/02/2022 đến ngày 20/02/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa).

7. Nguyễn Văn B - sinh năm 1988; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn B, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Họ và tên cha: Nguyễn Văn B - sinh năm 1956; Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Ch - sinh năm 1956; Vợ: Phạm Thị L, sinh năm 1991 trú tại thôn B, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2012 con nhỏ sinh năm 2018; Gia đình bị cáo có 4 chị em, bị cáo là con thứ tư; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 18/02/2022 đến ngày 20/02/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 18/02/2022, Hoàng Văn Đ - sinh năm 1983 trú tại thôn Đ, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang đến nhà Nguyễn Văn B - sinh năm 1988 trú tại thôn B, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang chơi. Một lúc sau có thêm Nguyễn Ngọc H - sinh năm 1983, trú tại thôn Đ, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang và Nguyễn Văn H1 - sinh năm 1971, trú tại thôn B, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang đến. Lúc này H rủ mọi người chơi đánh bạc ăn tiền dưới hình thức chơi "liêng", Đ và H1 đồng ý. B lấy bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài ra, H cùng Đ, H1 cùng nhau ngồi đánh liêng trên thảm nỉ được trải sẵn ở giữa phòng khách nhà B, mức góp gà 20.000 đồng, tố cao nhất 100.000 đồng. H, Đ, H1 đánh bạc được khoảng 01 tiếng đồng hồ thì có Dương Văn Đ1 - sinh năm 1972, trú tại thôn B, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang đến và tham gia đánh bạc cùng. Tiếp đó, lần lượt có Dương Văn Ng - sinh năm 1991, trú tại thôn B, xã A; Nguyễn Văn X - sinh năm 1981, trú tại thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang đến nhà B thấy có hoạt động đánh bạc, Ng và X vào tham gia đánh bạc.

Khi đánh bạc những người tham gia chơi có quy định nếu ai được "Đồng Hoa" thì nộp 40.000 đồng và "Sáp" thì nộp 60.000 đồng cho B chủ nhà. Trong quá trình chơi H được 01 ván đồng hoa và đưa cho B số tiền 40.000 đồng; H1 được 01 ván đồng hoa và 01 ván sáp, H1 tự lấy số tiền 140.000 đồng đưa B (H1 cho thêm B 40.000 đồng). B cầm tổng số 180.000 đồng của H và H1 đưa và ngồi xem kết quả "sáp", "đồng hoa" mà không tham gia đánh bạc cùng với mọi người. Các đối tượng Nguyễn Ngọc H, Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn X, Dương Văn Đ1, Nguyễn Văn H1, Dương Văn Ng cùng nhau đánh bạc đến khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày thì lực lượng Công an huyện T phát hiện, bắt quả tang. Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang gồm:

- Số tiền 5.010.000 đồng là số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc, thu

giữ trên chiếu bạc.

- 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài là bộ bài các đối tượng sử dụng để đánh bạc, thu giữ trên chiếu bạc.

- 01 thảm nỉ màu xanh vàng, kích thước (02 x 03)m.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ một số đồ vật, tiền trên người các bị can Nguyễn Ngọc H, Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn X, Dương Văn Đ1, Nguyễn Văn H1, Dương Văn Ng và Nguyễn Văn B. Tuy nhiên quá trình điều tra xác định những đồ vật, phương tiện thu giữ không dùng vào hoạt động đánh bạc. Cơ quan điều tra đã tiến hành các thủ tục bảo quan vật chứng theo quy định. Riêng số tiền 180.000 đồng (trong tổng số tiền 400.000 đồng) thu trên người của Nguyễn Văn B, Cơ quan điều tra xác định là tiền B thu được tiền "đồng hoa" và "sáp" của các đối tượng đánh bạc.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 05/QĐ-VKS ngày 07 tháng 3 năm 2022, của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn H1, Dương Văn Đ1, Dương Văn Ng, Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn B về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn H1, Dương Văn Đ1, Dương Văn Ng, Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn B đều thừa nhận hành vi đánh bạc của mình, lời thừa nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo

1/ Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn B;

Xử phạt: Nguyễn Văn B từ 06 tháng đến 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng, giao bị cáo cho UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

2/ Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H,

Xử phạt: Nguyễn Ngọc H từ 06 tháng đến 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng, giao bị cáo cho UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

3/ Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn Đ.

Xử phạt: Hoàng Văn Đ từ 06 tháng đến 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng, giao bị cáo cho UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

4/ Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H1;

Xử phạt: Nguyễn Văn H1 từ 08 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 18 tháng, giao bị cáo cho UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

5/ Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Dương Văn Đ1

Xử phạt: Dương Văn Đ1 từ 08 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 18 tháng, giao bị cáo cho UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

6/ Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Dương Văn Ng.

Xử phạt: Dương Văn Ng từ 06 tháng đến 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng, giao bị cáo cho UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

7/ Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn X;

Xử phạt: Nguyễn Văn X từ 06 tháng đến 07 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng, giao bị cáo cho UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng, án phí.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc H, Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn H1, Dương Văn Đ1, Dương Văn Ng, Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn B tự bào chữa: các bị cáo nhất trí với quyết định truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang, truy tố các bị cáo về tội "Đánh bạc". Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với Viện kiểm sát. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét

cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và đề nghị được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định: ngày18/02/2022, Cơ quan điều tra công an huyện T bắt quả tang 06 đối tượng gồm: Nguyễn Ngọc H, Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn H1, Dương Văn Đ1, Dương Văn Ng, Nguyễn Văn X thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền tại nhà Nguyễn Văn B. Số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc được chứng minh là 5.190.000 đồng (gồm 5.010.000 đồng thu trên chiếu bạc và 180.000 đồng, thu trên người của Nguyễn Văn B), bị cáo B không tham gia đánh bạc, nhưng đã chuẩn bị công cụ, dùng địa điểm thuộc quyền quản lý của mình để cho các đối tượng khác đánh bạc và có thu số tiền 180.000 đồng "đồng hoa" và "sáp", nên bị cáo B thuộc trường hợp đồng phạm về tội đánh bạc. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Do đó, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội đánh bạc là đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của cóc bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương và là một trong những nguyên nhân dẫn đến tội phạm và tệ nạn xó hội khác. Do đó, Hội đồng xét xử cần cân nhắc, xem xét một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[3]. Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo H1 có mẹ được nhà nước tặng thưởng Huân

chương kháng chiến, bị cáo Ng có ông nội được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến, bị cáo Đ1 có bố được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến nên các bị cáo H1, Ng, Đ1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4]. Xét về tính chất của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, không chủ động phân công nhiệm vụ rõ ràng nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn, do vậy cần áp dụng Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Xét về vai trò của các bị cáo thì thấy:

Bị cáo Nguyễn Văn B là chủ nhà, đã dùng địa điểm do mình quản lý để cho các đối tượng khác đánh bạc và trực tiếp chuẩn bị công cụ, thu tiền từ việc cho đánh bạc, bị cáo H là người khởi xướng việc đánh bạc và tham gia đánh bạc từ đầu cho đến khi bị bắt nên bị cáo B, bị cáo H có vai trò thứ nhất trong vụ án, Bị cáo H1 tham gia đánh bạc từ đầu và có số tiền nhiều thứ hai, bị cáo Đ1 tham gia đánh bạc sau nhưng sử dụng số tiền nhiều nhất nên bị cáo H1, Đ1 có vai trò thứ hai trong vụ án, bị cáo Đ sử dụng số tiền vào việc đánh bạc thấp hơn bị cáo Đ1, H1, Ng nhưng bị cáo tham gia đánh bạc từ đầu nên có vai trò thứ ba trong vụ án, bị cáo Ng tham gia đánh bạc sau và số tiền dùng vào việc đánh bạc thấp hơn bị cáo Đ1, H1 nên bị cáo có vai trò thứ tư trong vụ án, bị cáo X tham gia đánh bạc sau cùng và sử dụng số tiền vào việc đánh bạc thấp nhất nên bị cáo có vai trò thấp nhất trong vụ án. Từ những phân tích về vai trò của các bị cáo nêu trên, thì thấy Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo B, H, H1, Đ1 là không phù hợp.

Từ những tình tiết định tội, định khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: các bị cáo phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, cụ thể và rõ ràng nên cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo hưởng lượng khoan hồng cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục các bị cáo trở thành con người làm ăn lương thiện.

Về hình phạt bổ sung:

Các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Văn H1, Dương Văn Đ1, Dương Văn Ng, Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn B phạm tội có tính chất vụ lợi và các bị cáo có tài sản, có thu nhập nên cần áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, phạt các bị cáo một khoản tiền nộp ngân sách nhà nước. Bị cáo HoàngVăn Đ thuộc diện hộ nghèo nên cần miễn phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Khi lập bên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang và trong quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra đã lập biên bản thu giữ, trong đó có:

01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 thảm nỉ mầu xanh vàng kích thước (02x03) m đã qua sử dụng. Đây là những công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 5.190.000 đồng là tiền đánh bạc, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại Oppo có số Imei 1: 860163041737417, số Imei 2: 860163041737409, số tiền 34.500.000 đồng của Nguyễn Văn X; số tiền 500.000 đồng của Dương Văn Ng; 01 điện thoại Oppo có số Imei 1: 869904055191251, số Imei 2: 869904055191244, số tiền 220.000 đồng của Nguyễn Văn B; 01 điện thoại Oppo có số Imei 1: 867652040564098, số Imei 2: 867652040564080 của Hoàng Văn Đ; 01 điện thoại Samsung có số Imei 1: 358082476951603/01, số Imei 2: 359139606591603/01 của Dương Văn Đ1; 01 điện thoại Oppo có số Imei 1: 861711050030113, số Imei 2: 861711050030105, số tiền 1.500.000 đồng của Nguyễn Văn H1; 01 điện thoại Oppo có số Imei 1: 860646042493675, số Imei 2: 860646042493667, số tiền 2.500.000 đồng của Nguyễn Ngọc H, các bị cáo không dùng tài sản trên vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

Các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Văn H1, Dương Văn Đ1, Dương Văn Ng, Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Hoàng Văn Đ thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại 331, 333 Bộ luật hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn B;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 08 (tám) tháng tù, về tội "Đánh bạc". Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng, giao bị cáo cho UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

2/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H 08 (tám) tháng tù, về tội "Đánh bạc". Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng, giao bị cáo cho UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

3/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn Đ;

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Đ 07 (bẩy) tháng tù, về tội "Đánh bạc". Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng, giao bị cáo cho UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

4/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H1;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 07 (bẩy) tháng tù, về tội "Đánh bạc". Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng, giao bị cáo cho UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

5/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Dương Văn Đ1;

Xử phạt bị cáo Dương Văn Đ1 07 (bẩy) tháng tù, về tội "Đánh bạc". Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng, giao bị cáo cho UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

6/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Dương Văn Ng;

Xử phạt bị cáo Dương Văn Ng 06 (sáu) tháng tù, về tội "Đánh bạc". Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, giao bị cáo cho UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

7/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn X;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn X 06 (sáu) tháng tù, về tội "Đánh bạc". Nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, giao bị cáo cho UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Trường hợp các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Hoàng Văn Đ, Nguyễn Văn H1, Dương Văn Đ1, Dương Văn Ng, Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn B vắng mặt nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 thảm nỉ mầu xanh vàng kích thước (02x03) m đã qua sử dụng

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 5190.000 đồng (trong số tiền 44.410.000 đồng, theo ủy nhiệm chi của Công an huyện T chuyển vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện T).

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn X 01 điện thoại Oppo có số Imei 1: 860163041737417, số Imei 2: 860163041737409, số tiền 34.500.000 đồng (trong số tiền 44.410.000 đồng, theo ủy nhiệm chi của Công an huyện T chuyển vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện T); trải lại bị cáo Dương Văn Ng số tiền 500.000 đồng (trong số tiền 44.410.000 đồng, theo ủy nhiệm chi của Công an huyện T chuyển vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện T); trả lại Nguyễn Văn B 01 điện thoại Oppo có số Imei 1: 869904055191251, số Imei 2: 869904055191244, số tiền 220.000 đồng (trong số tiền 44.410.000 đồng, theo ủy nhiệm chi của Công an huyện T chuyển vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện T); trả lại Dương Văn Đ1 01 điện thoại Samsung có số Imei 1: 358082476951603/01, số Imei 2: 359139606591603/01; trả lại Nguyễn Văn H1 01 điện thoại Oppo có số Imei 1: 861711050030113, số Imei 2: 861711050030105, số tiền 1.500.000 đồng (trong số tiền 44.410.000 đồng, theo ủy nhiệm chi của Công an huyện T chuyển vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện T); trả lại Nguyễn Ngọc H 01 điện thoại Oppo có số Imei 1: 860646042493675, số Imei 2: 860646042493667, số tiền 2.500.000 đồng (trong số tiền 44.410.000 đồng, theo ủy nhiệm chi của Công an huyện T chuyển vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện T), nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại trả lại Hoàng Văn Đ 01 điện thoại Oppo có số Imei 1: 867652040564098, số Imei 2: 867652040564080

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Văn H1, Dương Văn Đ1, Dương Văn Ng, Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hoàng Văn Đ.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND, THADS, Công an huyện;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Tư Duy